

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Số : 15 / VTHT – KTTKTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18.04.2012

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

Tên tổ chức niêm yết :	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN
Tên tiếng Anh :	HATIEN TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt :	VẬN TẢI HÀ TIÊN
Mã chứng khoán :	HTV
Địa chỉ :	Km 7 đường Hà nội – Q. Thủ đức – TP HCM
Điện thoại :	08 . 38978924 – Fax : 38966169
Email :	info@vantaihatien.com.vn
Website :	www.vantaihatien.com.vn
Vốn điều lệ :	100.800.000.000 VND
Ngành nghề kinh doanh :	- Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước - Kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải. - Khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật
Giấy CNĐKKD:	Số 4103000047 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 04 năm 2009

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

1.1 Việc thành lập :

Công ty CP vận tải Hà tiên tiền thân là Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty CP Xi măng Hà tiên 1

1.2 Chuyển đổi sở hữu :

Được sự chủ trương của Nhà nước, ngày 21 / 01 / 2000 Xí nghiệp Vận tải chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và được đổi tên thành Công ty CP Vận Tải Hà Tiên (theo quyết định số 24 / 2000/ QĐ – TTg ngày 21.01.2000 của Thủ Tướng Chính phủ)

- Vào ngày 07.04.2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên được tiến hành, đã thông qua “ Điều lệ tổ chức và hoạt động “ của Công Ty, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Vào ngày 24.04.2000, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047

- Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 06 năm 2007 cho Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên, với chức năng hoạt động chính của Công Ty : Kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi, và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

- Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 04 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng

1.3 Niêm yết :

Theo Quyết định số 41 / UBCK – GPNY ngày 07.12.2005, Ủy Ban chứng Khoán Nhà Nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên. Và sau đó, theo Thông báo số 791 / TTGDHCM – NY ngày 27.12.2005, của Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM. Ngày 05 / 01 / 2006 Công ty chính thức giao dịch 4.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM , với mã chứng khoán : HTV

- Theo Quyết định số 194/UBCK – GCN ngày 15.10.2007, của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.

- Ngày 11.01.2008 Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.

2 . Quá trình phát triển :

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên ngày một khẳng định là một trong những Công ty vận tải thủy, bộ lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyển chủ yếu của Công ty là Clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá ... cho các khách hàng lớn như : Công ty CP Vicem Hà tiên, Công ty Xi măng Holcim, Công ty Xi măng Fico ... Ngoài ra, Công Ty còn tham gia vận chuyển các nguồn hàng khác ngoài xã hội.

3 . Định hướng phát triển :

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty & chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công Ty trong năm 2012 :

- Năm 2011, nền kinh tế Thế giới đã bắt đầu có dấu hiệu hồi phục, nhưng Việt Nam vẫn còn phải chịu ảnh hưởng từ bên ngoài. Diễn hình là cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu và Hoa kỳ, động đất và sóng thần ở Nhật bản, xung đột vũ trang ở Libya... Điều đó đã khiến môi trường kinh doanh trong nước bất ổn hơn so với năm 2010, thể hiện qua các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và đặc biệt là tình trạng lạm phát cao.

- Trước những khó khăn trên, năm 2012 nhằm duy trì ổn định công ăn việc làm cho CBCNV, các thuyền viên, thủy thủ. Ban Giám đốc Công ty ổn định các tuyến hoạt động truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, rà soát công tác duy tu, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm

- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới về vận chuyển hàng hoá khác.

- Do các trạm nghiền của Công ty CP Vicem Hà tiên đã đi vào hoạt động, nên xuất hiện thêm các tuyến vận chuyển nguyên liệu (clinker, thạch cao, đá vôi) bằng đường thủy bộ từ Bình phước về cảng Tuấn An Phú, và vận chuyển từ cảng Tuấn An Phú về trạm nghiền Phú Hữu & trạm nghiền Thủ Đức bằng đường thủy

- Ngoài ra, khai thác tuyến đường thủy Kiên lương về Trạm nghiền Long an & Thủ đức một cách có hiệu quả, Công ty đang xây dựng phương án đầu tư thêm 11 xà lan tự hành có tải trọng trên 1.000 tấn.

- Trong năm 2012, Công ty CP Vận Tải Hà Tiên đã xây dựng kế hoạch vận chuyển 4.505.000 Tấn/ năm tăng 31.41 % so với năm 2011.

- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng và giải phóng phương tiện.

- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán doanh thu và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao khả năng sử dụng tối đa công suất phương tiện hiện có của Công ty.
- Dự báo trong năm 2012 Công ty sẽ khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành KH đã đề ra

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1 Những nét nổi bật :

- Triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011
 - Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2011 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 thông qua, Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2011
 - Phê duyệt hệ thống thang bảng lương theo chức danh công việc trên cơ sở không thay đổi tổng quỹ lương Công ty .
 - Hoàn thành việc thanh toán cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 10 %
 - Phê duyệt phương án chọn Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn A & C kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011
 - Hoàn thành việc mua 500.000 cổ phiếu quỹ, giá bình quân dưới 9.000 đ / cp
 - Giao BGD xây dựng kế hoạch tái cấu trúc phương tiện bao gồm bán hanh lý xà lan cũ và đóng mới xà lan trên 1.000 T
 - Trong năm Công ty đã bán thanh lý 38 xà lan không gắn máy tải trọng 300 T có tính năng kỹ thuật lạc hậu, đã khấu hao hết, công suất nhỏ không mang hiệu quả kinh tế, bằng hình thức đấu giá rộng rãi
 - Đầu tư mua mới 07 xà lan, cụ thể :
 - * 02 xà lan tải trọng 2.000 T
 - * 04 xà lan tải trọng 1.500 T
 - * 01 xà lan tải trọng 1.600 T
 - Ngoài năng suất, chất lượng hiệu quả, vấn đề tiết kiệm giảm chi phí, giảm định mức nhiên liệu cho từng tuyến vận chuyển luôn được Hội đồng quản trị quan tâm, đây là nhân tố giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh của Vận tải Hà tiên
 - Giải thể đội Vận tải bộ, thanh lý 18 xe tải ben và thanh lý 20 hợp đồng lao động đội vận tải bộ
 - Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt dùng chế độ đãi ngộ người lao động có tâm huyết với Công ty
 - Miễn nhiệm 01 chức danh ủy viên HĐQT và bổ nhiệm mới 01 chức danh UV HĐQT
- Miễn nhiệm 01 chức danh thành viên Ban kiểm soát và bổ nhiệm mới 01 chức danh thành viên BKS

2 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2011:

Năm 2011 vẫn còn ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế Thế giới, tình hình lạm phát trong nước vẫn còn cao, tỷ giá USD nhiều biến động bất thường, lãi suất vay ngân hàng tăng cao, tình hình thắt chặt tín dụng của Ngân hàng là những nhân tố trên ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trước những khó khăn, trong đó thách thức lớn nhất là giá nhiên liệu luôn biến động tăng làm giá cước vận chuyển có tăng nhưng không đủ bù đắp chi phí xăng dầu. Trong bối cảnh chung đó, Hội đồng quản trị đã thực hiện các giải pháp sau :

- Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm HĐQT, Ban Giám đốc, với tiêu chí: không phân biệt tuyến vận chuyển gần hay xa, thuận lợi hay khó khăn, lợi nhuận ít hay nhiều miễn làm sao tạo được công ăn việc làm cho đội ngũ thuyền viên
- Quan hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống như : Công ty CP Vicem Hà tiên, xi măng Holcim, Xi măng Fico Tây Ninh, Xi măng Thăng Long ...trên cơ sở uy tín, vận chuyển hàng hóa đến nơi an toàn, đúng tiến độ. Luôn khẳng định thương hiệu Vận tải Hà tiên, xây dựng niềm tin đối với khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.
- Tìm hiểu, nắm bắt kỹ lưỡng các thông tin về giá cả của các đối thủ cạnh tranh để đưa ra giải pháp tối ưu nhất
- Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, điều hành linh hoạt của Ban Giám đốc và sự nhất trí, đồng lòng của toàn thể CBCNV đã giúp Công ty đạt được Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2011 như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2011	TH NĂM 2011	TỶ LỆ % TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.000đ	174.636.467	120.086.469	68,76
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	22.858.653	30.786.846	134,68
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	-	17.143.989	23.112.844	134,82
4	Thuế TNDN	1.000đ	5.714.663	7.674.002	134,29
5	Chi trả cổ tức	%	10	10	100

+ Về doanh thu vận chuyển năm 2011 giảm 31,24 % so với kế hoạch, tương ứng với giá trị giảm 54.549.998.353 đ, chủ yếu do tuyến vận chuyển nguyên liệu từ XM Kiên lương về trạm nghiền Thủ đức; tuyến cảng Tuấn An Phú (Bình dương) về trạm nghiền Thủ đức, TN Phú hữu; tuyến cảng Cần thơ về NM xi măng Kiên Lương chưa thực hiện hoặc thực hiện ít so với kế hoạch.

+ Hơn nữa trên thị trường xuất hiện nhiều Công ty vận chuyển nhỏ, nên giá cước vận chuyển bị cạnh tranh, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm giảm doanh thu của Công ty trong năm.

+ Mặc dù doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm giảm đáng kể, nhưng Công ty có một khoản thu nhập khác từ việc bán thanh lý xà lan cũ mang về khoản thu nhập khác hơn 20 tỷ đồng. Nhờ vậy, Lợi nhuận sau thuế đã hoàn thành và vượt mức KH 34,82 %.

+ Vấn đề chi trả cổ tức Công ty đã thực hiện 100 % so với kế hoạch

+ Với 12 năm kinh nghiệm về vận chuyển, Công ty đã khẳng định thương hiệu Vận tải Hà tiên (HTV) phát triển liên tục không ngừng và bền vững trên lĩnh vực vận tải thủy bộ khắp các tỉnh miền Tây và Đông nam bộ .

3 Định hướng nhiệm vụ năm 2012 :

Năm 2012, 2013 kinh tế thế giới đứng trước nguy cơ suy thoái mạnh, tốc độ tăng trưởng ở những nước phát triển là chậm & ở mức thấp

Thế giới chứng kiến cuộc khủng hoảng nợ công của khu vực đồng Euro và thâm hụt ngân sách cao ở nhiều nước, bất ổn chính trị tại Trung đông và các nước Châu phi làm giá nhiên liệu tăng liên tục... , là những yếu tố bất lợi tác động tiêu cực mạnh đến nền kinh tế trong nước.

Ngoài ra, do Nhà nước thắt chặt tiền tệ, kiềm chế lạm phát, lãi suất cho vay cao, doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn...do đó hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp bị thu hẹp vì không có vốn để mở rộng sản xuất. Bên cạnh đó, giá nhiên liệu luôn biến động, giá sắt thép tăng sẽ ảnh hưởng đến giá tu bổ, sửa chữa ... là những nguyên nhân làm cho chi phí giá thành vận chuyển tăng cao.

Trước tình hình đó, Công ty xây dựng Kế hoạch năm 2012 trên cơ sở :

- Phát huy uy tín và sự tận tâm với khách hàng truyền thống như: Công ty CP Vicem Hà tiên, xi măng Holcim, Xi măng Fico Tây ninh ... cùng với tinh thần đoàn kết gắn bó, tính chủ động tìm tòi những luồng lạch mới có tuyến đường ngắn hơn để chở hàng đến nơi an toàn và đảm bảo đúng tiến độ.
- Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt hoạt động SXKD của Công ty sát với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất
- Giảm biên chế lao động khối gián tiếp và tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương theo hướng gắn thu nhập với hiệu quả và khối lượng công việc. Dùng tiền lương làm đòn bẩy trong công việc thúc đẩy tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả.
- Trong năm 2012, HĐQT chỉ đạo BGD khai thác triệt để tuyến luồng lạch từ XM Kiên lương về Trạm nghiên Thủ đức, Phú hữu, Long an... vì những tuyến này khối lượng hàng hóa cao. Để đáp ứng nhu cầu vận chuyển trên, HĐQT quyết nghị cho BGD bán thanh lý những xà lan công suất nhỏ, hiệu quả kém và đầu tư mua mới 11 xà lan có tải trọng trên 1.000 tấn phù hợp với luồng lạch từ Kiên Lương về Thủ đức
- Dù nhiệm vụ trước mắt sẽ còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể công nhân lao động trong Công ty quyết tâm thực hiện thành công Kế hoạch năm 2012 với số liệu dự kiến như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2011	TỶ LỆ % SO VỚI TH NĂM 2011
1	Sản lượng	Tấn	4.505.000	3.428.150	131,41
2	Doanh thu	1.000đ	195.192.272	120.086.469	162,54
3	Lợi nhuận trước thuế	-	30.010.000	30.786.846	97,48
4	Lợi nhuận sau thuế	-	22.507.500	23.112.844	97,38
5	Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	100

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

1 Báo cáo tình hình tài chính :

Kết quả tài chính năm 2011 của Công Ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2010
1	Vốn điều lệ	Đồng	100.800.000.000	100.800.000.000
2	Sản lượng	Tấn	3.428.150	3.767.934
3	Doanh thu	Đồng	120.086.469.147	114.812.951.489
4	Giá vốn hàng bán	-	110.226.992.814	95.662.693.367
5	Lợi nhuận trước thuế	-	30.786.846.574	22.025.955.230
6	Thuế TNDN hiện hành	-	7.674.002.118	5.273.228.458
7	Lợi nhuận sau thuế	-	23.112.844.456	16.752.726.772
8	LN trước thuế / DT thuần	%	25.89	19.18
9	LN trước thuế / vốn chủ sở hữu	-	13.51	9.92
10	LN trước thuế / tổng tài sản	-	12.11	8.90
11	Chỉ số PE	Đồng		
12	Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	76.67	85.09
13	Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	-	23.33	14.91

14	Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	-	10.05	10.27
15	Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	-	89.95	89.73
16	Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	-	11.18	11.45
17	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	lần	7.68	8.37

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với KH và thực hiện kết quả SXKD trước đây :

- Sản lượng đạt 3.428.150 tấn bằng 74,15 % so với KH và bằng 91 % so với năm 2010
- Tổng doanh thu đạt 120,086 tỷ đồng bằng 68,76 % so với KH, vượt mức 4,59 % so với năm 2010
Sản lượng, doanh thu năm nay không đạt do : Công ty chưa khai thác triệt để các tuyến :
 - từ cảng Tuấn An Phú về trạm nghiên Thủ đức & Phú hữu giảm 850 ngàn tấn
 - từ cảng Kiên lương về các trạm nghiên (Long an, Phú hữu, Thủ đức) giảm 278 ngàn tấn
- Chi phí tiền lương năm 2011: 23 tỷ đồng cao hơn năm trước 2,5 tỷ đồng, do Công ty áp dụng hình thức trả lương theo công việc

Năm nay, do chi phí nhiên liệu tăng liên tục, chi phí tiền lương cao, cước vận chuyển có tăng nhưng không đủ bù đắp chi phí nên dẫn đến lợi nhuận hoạt động SXKD năm nay chỉ bằng 50 % so với năm ngoái và bằng 43,3 % so với KH.

Để cơ cấu & tái cấu trúc phương tiện phục vụ nhu cầu vận chuyển ở những tuyến xa, công ty đã bán thanh lý một số xà lan có công suất nhỏ, tính năng hoạt động kém, đã khấu hao hết, hiệu quả thấp... Số tiền bán thanh lý xà lan Công ty đã ghi nhận vào phần thu nhập khác dẫn đến lợi nhuận (trước thuế) năm nay tăng đột biến 8,76 tỷ đồng tương ứng tăng 39,77 % so với năm 2011

- Công ty đã làm tốt công tác tiếp thị tìm kiếm nguồn hàng khác, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống
- Cuối năm, Công ty đã giải thể đội vận tải bộ, thanh lý 20 hợp đồng lao động và bán thanh lý xe tải ben bằng hình thức đấu giá rộng rãi
- Đầu tư mua mới 07 xà lan có tải trọng từ 1.500 – 2.000 tấn thay thế các xà lan có tải trọng nhỏ
- Thường xuyên giám sát chặt chẽ việc điều động phương tiện thích hợp với từng tuyến vận chuyển, tăng bốc dỡ hàng hoá và giải phóng tàu nhanh tại bến
- Rà soát định mức nhiên liệu tiết kiệm và giảm chi phí sửa chữa là vấn đề được Ban Giám đốc quan tâm thường xuyên

Nhìn chung, năm 2011 Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu KH theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, vừa bảo đảm tăng thu nhập cho người lao động cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông kịp thời và đạt chỉ tiêu so với KH đề ra.

2 Kế hoạch phát triển năm 2012 :

Trong bối cảnh nền kinh tế chưa thoát khỏi khủng hoảng, tình hình lạm phát tăng cao, giá các mặt hàng chủ lực (điện, xăng dầu...) tăng liên tục, lãi suất vay Ngân hàng có giảm nhưng không đáng kể, vốn vay các doanh nghiệp khó tiếp cận nên hầu hết các doanh nghiệp không có điều kiện mở rộng sản xuất...

Năm 2012 là năm đầy khó khăn, Ban Giám đốc Công ty đề ra các mục tiêu chính để phấn đấu hoàn thành Kế hoạch đã đề ra :

- Duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống, tiếp tục triển khai công tác tiếp thị nguồn hàng mới
- Khai thác triệt để kết hợp hàng hai chiều đối với những tuyến đường dài
- Tiếp tục bán thanh lý những xà lan công suất 300 tấn, hiệu quả thấp.
- Đầu tư mua mới 11 xà lan tự hành tải trọng trên 1.000 tấn, chuyên dùng vận chuyển tuyến đường từ Kiên lương - Thủ đức & Phú hữu
- Tinh giảm giảm biên chế nhân viên khối gián tiếp, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên khối gián tiếp. Từng bước thay đổi tổ chức lại về con người cũng như phương tiện cho phù hợp
- Tiết kiệm chi phí tiếp nhận hàng hoá, chi phí gom vét, chi phí đăng kiểm; giảm định mức nhiên liệu phù hợp với từng cung đường

Với thương hiệu, kinh nghiệm và uy tín của Công ty CP Vận tải Hà tiên trên thương trường “ *Vận chuyển đường thủy ở các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu long* “ được khẳng định cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể, lãnh đạo Công ty quyết tâm thực hiện thành công Kế hoạch năm 2012 đề ra:

- Sản lượng :	4.505.000 tấn
- Doanh thu :	195 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế :	30 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế :	22,5 tỷ đồng

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, và sau khi đã được kiểm toán. Công Ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính, và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành :

Bảng cân đối kế toán ngày 31.12.2011.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2011.

- Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2011

(đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2011 nêu trên)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kiểm Toán độc lập :

Đơn vị kiểm toán độc lập :

Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư vấn A & C

Số 229 , đường Đồng Khởi , Quận I , TP. Hồ Chí Minh.

Ý kiến của cơ quan kiểm toán:

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty đã được Đoàn kiểm toán của Công ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C kiểm toán & lập báo cáo ngày 15.03.2012 với những ý kiến sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Vận tải Hà tiên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công Ty nắm giữ trên 50 % vốn cổ phần của Công Ty : Tổng Công Ty Công Nghiệp Xi Măng Việt nắm giữ 50.479.700.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08 % / vốn điều lệ Công ty.
- Công Ty có trên 50 % vốn cổ phần do Công Ty nắm giữ : không có
- Tình hình đầu tư vào các Công Ty liên quan : không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1 Cơ cấu tổ chức của Công ty :

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm :

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng Quản trị & Ban kiểm soát
- + Ban Giám đốc (Giám đốc và 02 Phó Giám đốc)
- ° Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

° Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên là Giám đốc Công ty, HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Là cơ quan hoạch định và định hướng hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty và là nơi quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm : Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các trưởng phòng ban. Hiện nay HĐQT có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức họp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện của Công ty quý vừa qua và đưa ra phương hướng hành động quý tiếp theo

Trong năm 2011, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 và 03 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất của Công ty. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần trao đổi và xin ý kiến các thành viên trong HĐQT, Ông Chủ tịch HĐQT quyết định lập các Nghị quyết Luân chuyên, lần lượt chuyển cho các thành viên trong HĐQT xem và có ý kiến trong bản NQ luân chuyển này. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty

° Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên cũng không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và là nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.

Sau một năm làm việc, Ban kiểm soát có nhiệm vụ báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

° Giám đốc là người là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty ; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

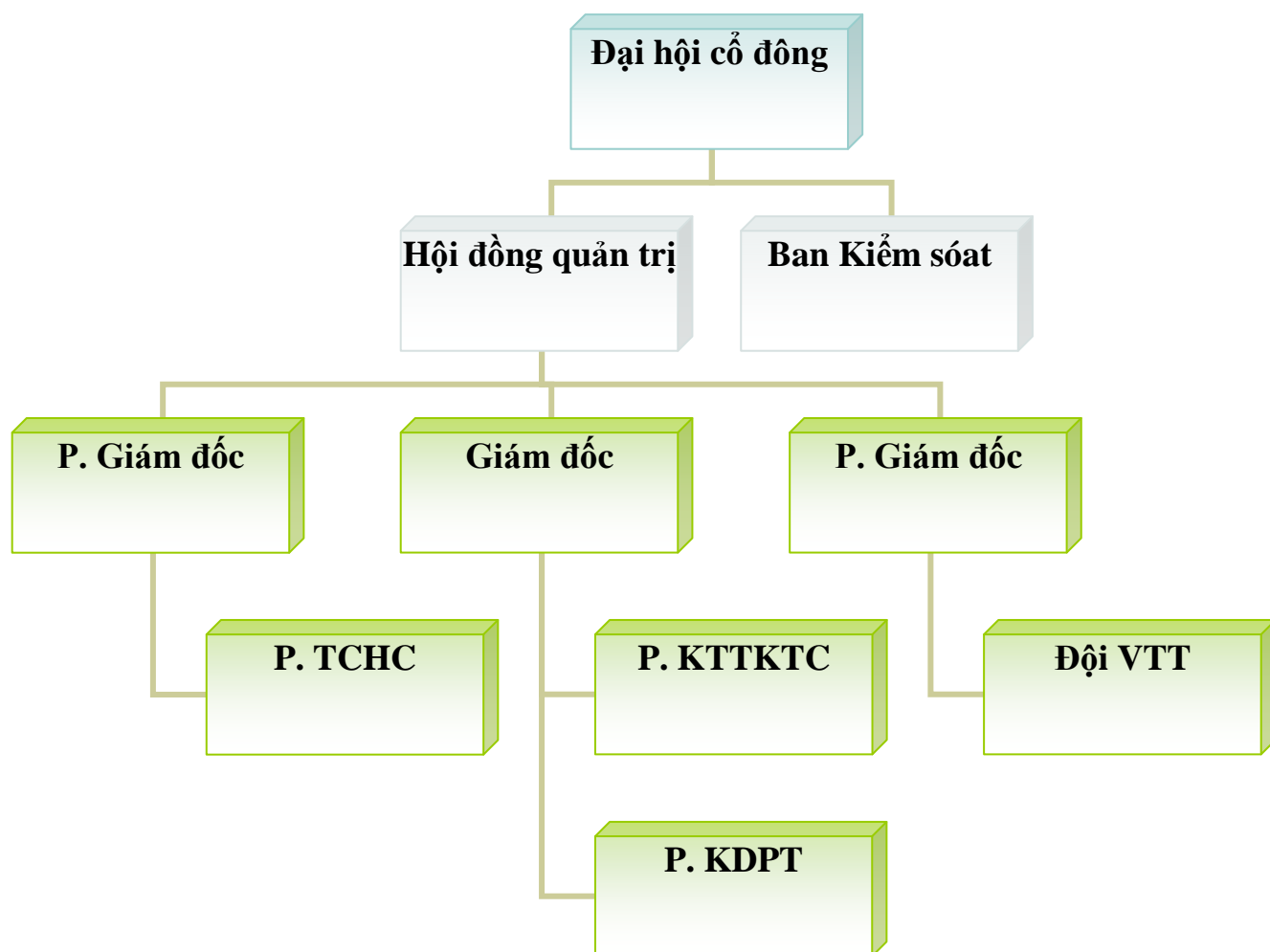
Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà nước

Căn cứ Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật

° Các Phó Giám đốc là những người phụ giúp Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ được giao

° Kế toán trưởng là người tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công Ty bộ máy quản lý của Công Ty



Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Ban Giám Đốc :

1 / Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Giám Đốc

Sinh ngày 02.11.1971

Địa chỉ : 214/ 17/ 4, Nguyễn Văn Nguyễn – Quận 1, TP. HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân hàng hải Gdynia – Balan; Thạc sỹ quản trị kinh doanh San Francisco – Hoa Kỳ

2 / Ô. Trương Công Bảo, P. Giám Đốc

Sinh ngày 31.03.1955

Địa chỉ : 6 / 7 / 12 Tân Hoà , Phường 1 , Q 11, TP. HCM

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.

3 / Ô. ĐẶNG THÀNH KẾT, P. Giám đốc

Sinh ngày 30.04.1956

Địa chỉ : 56 A tổ 9 – KP Bến cát – F. Phước bình – Q9- TPHCM

Trình độ chuyên môn :

4 / Ô. TRẦN MINH HUY, Kế toán trưởng

Sinh ngày 01.01.1957

Địa chỉ : 229 / 135 Thích Quảng Đức – F4- Q. Phú Nhuận - TPHCM

Trình độ chuyên môn : cử nhân Kinh tế

Quyền lợi của Ban Giám đốc (tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác) :

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG, THƯỞNG NĂM 2011 (đ)	GHI CHÚ
1	NGUYỄN TUẤN ANH	GIÁM ĐỐC	365.920.421	
2	NGUYỄN THÀNH KẾT	P. GIÁM ĐỐC	331.289.707	
3	TRƯƠNG CÔNG BẢO	P. GIÁM ĐỐC	352.042.834	
4	TRẦN MINH HUY	KẾ TOÁN TRƯỞNG	214.744.305	
	CỘNG		1.263.997.266	

2 Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động :

- *Đội ngũ cán bộ, công nhân lao động (tính đến 31 / 12 / 2011):*

Tổng số : 233 người (giảm 22 người so với năm 2010)

Trong đó, chia ra :

Trực tiếp : 159 người, chiếm tỷ lệ : 68 %

Gián tiếp : 74 người, chiếm tỷ lệ : 32 %

Trong đó, chia ra :

- Trên đại học : 01 người, chiếm tỷ lệ : 0,43 %

- Đại học và Cao đẳng : 23 người, chiếm tỷ lệ : 9,87 %

- Trung học chuyên nghiệp : 15 người, chiếm tỷ lệ : 6,44 %

- Công nhân kỹ thuật & lao động phổ thông 194 người, chiếm tỷ lệ : 83,26%

Các chính sách đối với người lao động :

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đặc biệt những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn. Năm vừa qua, toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã trích tiền lương của mình ủng hộ quỹ “ xây nhà tình thương “ và Công đoàn Công ty đã xây được hai nhà tình thương cho hai công nhân nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về nơi cư trú.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

VII THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY :

1 Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát

Thành phần Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên

- Ô. Trần Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Ủy Viên HĐQT, Tviên kiêm Giám đốc Công ty
- Ô. Nguyễn Đình Lịch, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Phạm Văn Thông, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Minh Ngọc, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập.

Ban Kiểm soát gồm :

- B. Nguyễn Thị Kim Dung , Trưởng ban, thành viên độc lập
- Ô. Phạm Thế Nghĩa, Ủy viên , thành viên độc lập
- B . Nguyễn Thị Huệ, Ủy Viên , thành viên độc lập

2 Mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2011 được tổng hợp như sau :

Ô. Trần Việt Thắng,	Chủ tịch HĐQT,	95.000.000 đ
Ô. Nguyễn Tuấn Anh,	Ủy viên HĐQT	57.000.000 đ
Ô. Nguyễn Đình Lịch,	Ủy viên HĐQT,	57.000.000 đ
Ô . Phạm Văn Thông,	Ủy viên HĐQT,	42.000.000 đ
B. Nguyễn Thị Nga,	Ủy Viên HĐQT,	15.000.000 đ
Ô. Nguyễn Minh Ngọc,	Ủy Viên HĐQT,	57.000.000 đ
B. Nguyễn Thị Kim Dung,	Trưởng ban KS,	38.000.000 đ
Ô. Nguyễn Hữu Đức,	Ủy viên ,	7.500.000 đ
B . Nguyễn Thị Huệ,	Ủy Viên ,	28.500.000 đ
Ô. Phạm Thế Nghĩa,	Ủy viên,	21.000.000 đ

TỔNG CỘNG

418.000.000 đ

2 Cơ cấu vốn cổ đông :

3

Tình hình cơ cấu cổ đông của Công Ty được tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

TT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam đại diện)	5.047.970	50.08

2	Vốn góp của cá nhân khác	4.619.820	45.83
3	Cổ phiếu quỹ	412.210	4.09
	TỔNG CỘNG	10.080.000	100,00

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công Ty Cổ phần Vận Tải Hà Tiên.

Kính báo cáo.

GIÁM ĐỐC 
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN 


Nguyễn Tuấn Anh

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.285.163.714	210.456.249.735
(100=110+120+130+140+150)				
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.793.438.792	40.608.495.999
1-Tiền	111	V.01	5.649.547.292	3.244.495.999
2-Các khoản tương đương tiền	112		5.143.891.500	37.364.000.000
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	71.330.282.300	118.539.732.700
1-Đầu tư ngắn hạn	121		71.330.646.764	129.123.164.341
2-Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(364.464)	(10.583.431.641)
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.033.201.286	50.768.169.812
1-Phải thu khách hàng	131		61.622.529.862	50.195.202.842
2-Trả trước cho người bán	132		65.000.000	162.853.391
3-Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		947.189.775	
4-Phải thu theo tiến độ kế hoạch xdựng	134			
5-Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.465.149.424	540.091.579
6-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(119.478.000)	(129.978.000)
IV.Hàng tồn kho	140		533.241.346	447.851.224
1-Hàng tồn kho	141	V.04	533.241.346	447.851.224
2-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		50.594.999.990	92.000.000
1-Chi phí trả trước ngắn hạn	151		539.999.990	
2-Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.05		
4-Tài sản ngắn hạn khác	158		50.055.000.000	92.000.000
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.734.282.663	36.888.794.019
(200=210+220+240+250+260)				

I.Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1-Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2-Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3-Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4-Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5-Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.Tài sản cố định	220		57.113.842.663	26.768.320.046
1-Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	57.051.342.663	26.705.820.046
- Nguyên giá	222		99.213.254.081	73.460.023.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(42.161.911.418)	(46.754.202.954)
2-Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3-Tài sản cố định vô hình	227	V.10		-
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	62.500.000	62.500.000
III.Bất động sản đầu tư	240	V.12		-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.620.440.000	10.120.473.973
1-Đầu tư vào công ty con	251			
2-Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3-Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	20.990.879.270	20,991,045,273
4-Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(18.370.439.270)	(10.870.571.300)
V.Tài sản dài hạn khác	260			-
1-Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2-Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3-Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		256.019.446.377	247.345.043.754

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		25.742.644.846	25.402.091.288
I.Nợ ngắn hạn	310		25.742.644.846	25.145.925.432
1-Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		

2-Phải trả người bán	312		8.657.096.334	8.815.173.807
3-Người mua trả tiền trước	313			3.000
4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.144.089.793	2.825.472.803
5-Phải trả người lao động	315		7.045.224.119	6.000.928.797
6-Chi phí phải trả	316	V.17	4.877.437.751	5.899.066.402
7-Phải trả nội bộ	317			
8-Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318			
9-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	521.292.618	800.266.525
10-Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	1.497.504.231	805.014.098
12-Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	327			
II.Nợ dài hạn	330			256.165.856
1-Phải trả dài hạn người bán	331			
2-Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3-Phải trả dài hạn khác	333			
4-Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5-Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6-Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			256.165.856
7-Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8-Doanh thu chưa thực hiện	338			
9-Quỹ phát triển khoa học & công nghệ	339			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU 400=(410+430)	400		230.276.801.531	221.942.952.466
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22	230.276.801.531	221.942.952.466
1-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.800.000.000	100.800.000.000
2-Thặng dư vốn cổ phần	412		69.222.867.374	69.222.867.374
3-Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4-Cổ phiếu quỹ (*)	414		(3.355.561.854)	(251.386.896)
5-Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6-Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7-Quỹ đầu tư phát triển	417		34.863.778.793	30.763.178.793
8-Quỹ dự phòng tài chính	418		5.469.400.471	4.631.764.132
9-Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.276.316.747	16.776.529.063
11-Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			0
1-Nguồn kinh phí	432	V.23		
2-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		256.019.446.377	247.345.043.754

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1- Tài sản thuê ngoài	24		
2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4- Nợ khó đòi đã xử lý		86,130,626	86,130,626
5- Ngoại tệ các loại			
6- Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

2. BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)

CHỈ TIÊU	MS	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI	
		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	30.786.846.574	22.025.955.230
Điều chỉnh cho các khoản :			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.186.462.991	4.837.357.929
Các khoản dự phòng	03	-3.093.699.207	2.142.421.836
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-29.728.312.227	-12.955.332.008
Chi phí lãi vay	06		
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.151.298.131	16.050.402.987
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	-12.217.531.474	-10.681.609.767
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-85.390.122	188.530.130
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TN)	11	-462.419.382	9.041.655.789
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-539.999.990	1.227.964.415
Tiền lãi vay đã trả	13		
Thuế thu nhập đã nộp	14	-7.506.519.311	-8.207.374.654
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-51.121.910.300	-1.951.883.773
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần từ hoạt động KD	20	-67.782.472.448	5.683.685.127
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-36.603.197.742	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	20.960.091.819	2.247.700.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-63.170.000.000	-129.492.000.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	104.900.000.000	97.412.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-556.240.000	-185.690.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.942.595.812	2.701.410.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.515.760.310	14.386.201.972
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần TỪ HĐ ĐẦU TƯ	30	50.989.010.199	-12.930.378.028
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	19.268.156.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của DN	32	-3.104.174.958	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-9.917.420.000	-11.298.912.000
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần TỪ HĐ TÀI CHÍNH	40	-13.021.594.958	7.969.244.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-29.815.057.207	722.551.099
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.608.495.999	39.885.944.900
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.793.438.792	40.608.495.999

3 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.25	120.086.469.147	114.812.951.489
Trong đó: Doanh thu VT Thủy			107.148.898.444	90.240.965.235
Doanh thu vận tải Bộ			12.937.570.703	24.571.986.254
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		120.086.469.147	114.812.951.489
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	110.226.992.814	95.662.693.367
5. Lợi nhuận gộp (20=10 - 11)	20		9.859.476.333	19.150.258.122
6. Doanh thu HĐ tài chính	21	VI.26	18.599.509.285	14.460.130.396
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6.593.128.561	5.878.248.631
Trong đó: Lãi vay phải trả	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.967.890.168	7.958.793.479
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		9.897.966.889	19.773.346.408
11. Thu nhập khác	31		20.960.091.819	2.252.608.822
12. Chi phí khác	32		71.212.134	
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		20.888.879.685	2.252.608.822
14. Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		30.786.846.574	22.025.955.230
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	7.674.002.118	5.273.228.458
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		23.112.844.456	16.752.726.772
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.321	1.729

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	196.285.163.714	210.456.249.735
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.793.438.792	40.608.495.999
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	71.330.282.300	118.539.732.700
	- Tiền gửi NH	71.330.000.000	113.060.000.000
	- Đầu tư mua cổ phiếu ngắn hạn	646.764	16.063.164.341
	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(364.464)	(10.583.431.641)
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	63.033.201.286	50.768.169.812
4	Hàng tồn kho	533.241.346	447.851.224
5	Tài sản ngắn hạn khác	50.594.999.990	92.000.000
II	Tài sản dài hạn	59.734.282.663	36.888.794.019
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	57.113.842.663	26.768.320.046
	- Tài sản cố định hữu hình	57.051.342.663	26.705.820.046
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	62.500.000	62,500,000
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.620.440.000	10.120.473.973
	- Vốn góp liên doanh		
	- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	20.990.879.270	20.991.045.273
	- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(18.370.439.270)	(10.870.571.300)
5	Tài sản dài hạn khác		
A	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+ II)	256.019.446.377	247.345.043.754
III	Nợ phải trả	25.742.644.846	25.402.091.288
1	Nợ ngắn hạn	25.742.644.846	25.145.925.432
2	Nợ dài hạn	-	256.165.856
IV	Vốn chủ sở hữu	230.276.801.531	221.942.952.466
1	Vốn chủ sở hữu	230.276.801.531	221.942.952.466
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,800,000,000	100,800,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	69.222.867.374	69.222.867.374
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	(3.355.561.854)	(251.386.896)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		

	- Các quỹ	40.333.179.264	35.394.942.925
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.276.316.747	16.776.529.063
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
B	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (III+IV)	256.019.446.377	247.345.043.754

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.086.469.147	114.812.951.489
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.086.469.147	114.812.951.489
4	Giá vốn hàng bán	110.226.992.814	95.662.693.367
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.859.476.333	19.150.258.122
6	Doanh thu hoạt động tài chính	18.599.509.285	14.460.130.396
7	Chi phí tài chính	6.593.128.561	5.878.248.631
8	Chi phí lãi vay NH		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.967.890.168	7.958.793.479
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.897.966.889	19.773.346.408
11	Thu nhập khác	20.960.091.819	2.252.608.822
12	Chi phí khác	71.212.134	
13	Lợi nhuận khác	20.888.879.685	2.252.608.822
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.786.846.574	22.025.955.230
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.674.002.118	5.273.228.458
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.112.844.456	16.752.726.772
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.321	1.729

C. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính năm 2011 của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Hà Tiên (gọi tắt là công ty)

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước; Kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm .

Năm 2011 là năm tài chính thứ 12 của Công Ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng kế toán Doanh nghiệp Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công Ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203 / 2009 / TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH: SỐ NĂM

Nhà cửa, vật kiến trúc 5-10 năm

Máy móc thiết bị 6 năm

Phương tiện vận tải bộ 6 năm

Phương tiện vận tải thuỷ 10 năm

Thiết bị văn phòng 3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách

- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này .

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả, trích trước, chi phí sửa chữa lớn :

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm

- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi phí trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc làm trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí trong năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu
- Tiền lãi và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được từ lợi ích kinh tế và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm, khi tỷ lệ cổ tức được công bố. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu, trích lập các quỹ:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế được các cổ đông đã đầu tư
- Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận phần chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
- Tiền mặt	6.666.778	111.759.293
- Tiền gửi ngân hàng	5.642.880.514	3.132.736.706
- Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 3 tháng trở xuống)	5.143.891.500	37.364.000.000
Cộng	<u>10.793.438.792</u>	<u>40.608.495.999</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

	<u>Số cuối kỳ (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:		
+ <i>Cổ phiếu</i>	646.764	16.063.164.341
+ <i>Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu</i>		
- Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống)	71.330.000.000	113.060.000.000
Cộng	<u>71.330.646.764</u>	<u>129.123.164.341</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn :

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, chi tiết như sau :

- Số đầu năm	(10.583.431.641)	(12.077.243.905)
- Hoàn nhập dự phòng trong năm	10.583.067.177	1.493.812.264
- Số cuối năm	(364.464)	(10.583.431.641)

4. Các khoản phải thu khách hàng :

	Số cuối kỳ (đ)	Số đầu năm (đ)
- Công ty CP Xi măng Hà tiên 1	52.882.767.710	44.607.755.243
- Công ty CP Minh Tiến	2.568.201.387	1.915.159.181
- Công ty TNHH Beton Lafarge	664.894.343	361.836.983
- Công ty CP TAFICO Tây ninh	4.549.460.307	
- Khách hàng khác	957.206.115	3.310.451.435
Cộng	61.622.529.862	50.195.202.842

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác :

	Số cuối kỳ (đ)	Số đầu năm (đ)
- DNTN Lâm Thành về hao hụt Clinker, vỏ bao (*)	119.478.000	122.978.000
- Công ty Bảo hiểm Viễn đông – Bồi thường tổn thất clinker do xà lan bị chìm	377.237.774	338.767.000
- Phải thu khác	968.433.650	78.346.579
Cộng	1.465.149.424	540.091.579

6. Các khoản trả trước cho người bán:

	Số cuối kỳ (đ)	Số đầu năm (đ)
- Công ty TNHH tư vấn quản lý Đan thanh	60.000.000	-
- Cty CP Anh dương VN	5.000.000	
- Các nhà cung cấp khác	-	162.853.391
Cộng	65.000.000	162.853.391

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Số cuối kỳ (đ)	Số đầu năm (đ)
Khoản dự phòng nợ phải thu DNTN Lâm Thành	(119.478.000)	(129.978.000)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (đ)	Số đầu năm (đ)
- Nguyên liệu, vật liệu	519.198.744	433.987.145
- Công cụ, dụng cụ	14.042.602	13.864.079
Cộng giá gốc hàng tồn kho	533.241.346	447.851.224

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ (đ)	Số đầu năm (đ)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.623.777.948	1.456.295.141
- Thuế GTGT	1.478.511.845	1.303.949.798
- Thuế Thu nhập cá nhân		65.227.864
- Các loại thuế khác	41.800.000	
Cộng	3.144.089.793	2.825.472.803

10. Tài sản ngắn hạn khác :

	Số cuối kỳ (đ)	Số đầu năm (đ)
- Tạm ứng	55.000.000	92.000.000
- Ký quỹ dự thầu	50.000.000.000	-

Cộng

50.055.000.000

92.000.000

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

DIỄN GIẢI	<i>Đvt: đồng</i>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải thủy	Phương tiện vận tải bộ	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	2.342.306.294	109.090.909	63.380.702.711	5.678.771.489	1.949.151.597	73.460.023.000
Mua sắm mới trong kỳ			36.550.098.672		53.099.070	36.603.197.742
Đầu tư XD/CB hoàn thành						
Thanh lý		(109.090.909)	(10.657.465.726)	(83.410.026)		(10.849.966.661)
Số cuối kỳ	2.342.306.294	-	89.273.335.657	5.595.361.463	2.002.250.667	99.213.254.081
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	2.331.349.170	27.272.718	37.736.498.944	5.196.132.595	1.462.949.527	46.754.202.954
Khấu hao trong kỳ	10.957.124	10.606.057	5.758.522.398	169.444.474	236.932.938	6.186.462.991
Thanh lý, nhượng bán		(37.878.775)	(10.657.465.726)	(83.410.026)		(10.778.754.527)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.342.306.294	0	32.837.555.616	5.282.167.043	1.699.882.465	42.161.911.418
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	10.957.124	81.818.191	25.644.203.767	482.638.894	486.202.070	26.705.820.046
Tại ngày cuối kỳ	0	0	56.435.780.041	313.194.420	302.368.202	57.051.342.663

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 313.194.442 đ
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

12 Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

13 Tăng giảm tài sản cố định vô hình.

14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<u>Số cuối quý (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
+ CP thiết kế xà lan tự hành	62.500.000	62.500.000
Cộng	<u>62.500.000</u>	<u>62.500.000</u>

15 Tăng giảm bất động sản đầu tư.

16 Đầu tư dài hạn khác:

	<u>Số cuối quý (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
+ Cổ phiếu REE	-	142.773
+ Cổ phiếu HT1	20.990.879.270	20.990.902.500
Cộng	<u>20.990.879.270</u>	<u>20.991.045.273</u>

17 Chi phí trả trước dài hạn:

Tám panneaux đẩy hầm hàng xà lan		
+ Số đầu năm		-
+ Tăng trong năm		
+ Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm		
+ Số cuối năm	0	0

18 Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn :

Số đầu năm	(10.870.571.300)	(7.234.337.200)
Trích lập dự phòng trong năm	(7.499.867.970)	(3.636.234.100)
Số cuối năm	(18.370.439.270)	(10.870.571.300)

19 Chi phí phải trả người bán:

	<u>Số cuối quý (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
DNTN Anh Huy	344.616.700	1.485.061.100
HTX Cơ khí & thương mại 2 / 9	300.000	300.000
Công ty CP khoáng sản Hiệp lực	255.104.380	1.415.269.631
HTX DV Vận tải Liên Minh	0	11.064.702
Công ty TNHH TMDV Hồng Giang	2.308.670.808	-
Công ty TNHH TMDV Anh phát	1.370.864.587	-
Công ty TNHH Vũ Nam Sơn	622.069.842	506.008.398
DNTN Kim Trông	17.542.000	252.205.281
DNTN Thượng Hải	706.371.058	-
Cty TNHH MTV xây lắp An Giang	250.620.279	
Nhà cung cấp khác	2.780.936.680	5.145.264.695
Cộng	<u>8.657.096.334</u>	<u>8.815.173.807</u>

20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
- Bảo hiểm xã hội	-16.119.612	5.608.496
- Bảo hiểm y tế	4.892.444	3.439.362
- Kinh phí công đoàn	412.376.286	389.337.486
- Các khoản phải trả khác	120.143.500	401.881.181
Cộng	<u>521.292.618</u>	<u>800.266.525</u>

21 Phải trả dài hạn nội bộ.

22 Vay và nợ dài hạn.

23 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

24 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đvt: đồng

Nội dung	Vốn góp	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	100.800.000.000	(7.288.574.052)	56.991.898.530	22.377.348.670	3.451.764.132	23.573.735.448	199.906.172.728
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	16.752.726.772	16.752.726.772
Bán cổ phiếu quỹ	-	7.037.187.156	12.230.968.844	-	-	-	19.268.156.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.385.830.123	1.180.000.000	(12.251.021.157)	(2.685.191.034)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(11.298.912.000)	(11.298.912.000)
Số dư cuối năm trước	100.800.000.000	(251.386.896)	69.222.867.374	30.763.178.793	4.631.764.132	16.776.529.063	221.942.952.466
Số dư đầu năm nay	100.800.000.000	(251.386.896)	69.222.867.374	30.763.178.793	4.631.764.132	16.776.529.063	221.942.952.466
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	23.112.844.456	23.112.844.456
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.100.600.000	837.636.339	(6.695.636.772)	(1.757.400.433)
Cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(9.917.420.000)	(9.917.420.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(3.104.174.958)	-	-	-	-	(3.104.174.958)
Số dư cuối kỳ	100.800.000.000	(3.355.561.854)	69.222.867.374	34.863.778.793	5.469.400.471	23.276.316.747	230.276.801.531

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	Số cuối quý (đ)	Số đầu năm (đ)
- Vốn góp của Nhà nước	50.479.700.000	50.479.700.000
- Vốn góp của các cổ đông	50.320.300.000	50.320.300.000
Cộng	100.800.000.000	100.800.000.000

* **Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm**

* **Số lượng cổ phiếu quỹ:**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Số cuối quý (đ)	Số đầu năm (đ)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.800.000.000	100.800.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	100.800.000.000	100.800.000.000
- Cổ tức năm 2009 (12%)		11.298.912.000
- Cổ tức năm 2010 (10%)	9.917.420.000	

d. Cổ tức:

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ. Cổ phiếu:

	Số cuối năm (cp)	Số đầu năm (cp)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.080.000	10.080.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.080.000	10.080.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.080.000	10.080.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(412.210)	(22.910)
+ Cổ phiếu phổ thông	(412.210)	(22.910)
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.667.790	10.057.090
+ Cổ phiếu phổ thông	9.667.790	10.057.090
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đ/CP	

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển: 34.863.778.793đ
- Quỹ dự phòng tài chính: 5.469.400.471đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.497.504.231đ

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
- + Bù đắp những tổn hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
- + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của hội đồng quản trị.

g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

25 Nguồn kinh phí:

26 Tài sản thuê ngoài:

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
27. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	120.086.469.147	114.812.951.489
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hoá		-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.086.469.147	114.812.951.489
- Doanh thu khác		-
28. Các khoản giảm trừ doanh thu (mã số 02)		
29. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 10)	120.086.469.147	114.812.951.489
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá		-
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	120.086.469.147	114.812.951.489
30. Giá vốn hàng bán (mã số 11)	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Giá vốn của hàng hoá đã bán		
+ Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp		
+ Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	110.226.992.814	95.662.693.367
Cộng	110.226.992.814	95.662.693.367
31. Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21)	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn & không kỳ hạn	18.147.671.185	13.263.088.996
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	451.838.100	1.197.041.400
Cộng	18.599.509.285	14.460.130.396
32. Chi phí tài chính (mã số 22)	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Phí môi giới	13.910.472	43.939.132
- Phí uỷ thác		13.317.699
- Lỗ do bán cổ phiếu đầu tư	9.662.417.296	3.678.569.964
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	(3.083.199.207)	2.142.431.836
Cộng	6.593.128.561	5.878.248.631
33. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành (mã số 51)	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	7.674.002.118	5.273.228.458
34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52)		
35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:	Năm nay (đ)	Năm trước (đ)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.148.896.244	20.845.770.659
- Chi phí nhân công	26.731.383.607	23.392.193.979
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.186.462.991	4.837.357.929

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.613.829.375	47.949.100.411
- Chi phí bằng tiền khác	7.514.310.765	6.597.063.868
Cộng	122.194.882.982	103.621.486.846

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

36. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 3 Thông tin về các bên liên quan:
- 4 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”
- 5 Thông tin về hoạt động liên tục:
- 6 Những thông tin khác :

Trên đây là một số nét chính về thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011 của Công Ty.

TP HCM, ngày 18 tháng 04 năm 2012

TP HCM, ngày 18 tháng 04 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ NGỌC DIỆP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN MINH HUY



NGUYỄN TUẤN ANH

MỤC LỤC

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011	1
I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	1
1 . Những sự kiện quan trọng	1
2 . Quá trình phát triển :.....	2
3 . Định hướng phát triển :	2
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :	3
1 Những nét nổi bật :	3
2 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2011:	3
3 Định hướng nhiệm vụ năm 2012 :.....	5
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC :	6
1 Báo cáo tình hình tài chính :.....	6
2 Kế hoạch phát triển năm 2012 :.....	7
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	8
V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	8
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	9
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	9
1 Cơ cấu tổ chức của Công ty :	9
2 Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động :.....	11
VII THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY :.....	12
1 Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát	12
2 Mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2011 được tổng hợp như sau :	12
2 Cơ cấu vốn cổ đông :	12
B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011	14
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.....	14
2. BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)	18
3 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH	19
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT	20
C. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011.....	22
I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	22
1.Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.....	22
2.Lĩnh vực kinh doanh:.....	22
3. Ngành nghề kinh doanh:.....	22
4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.	22
II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN	22
1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm	22
2.Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:	22
III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.....	22
1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.....	22
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:	22
3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	22
IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG	22

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:	22
2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:	23
3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:	23
4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:	23
5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:	23
6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:	23
7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả, trích trước, chi phí sửa chữa lớn :	23
8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:	23
9. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ, cổ tức và lợi nhuận được chia:	24
10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu, trích lập các quỹ:	24
11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:	24
12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính	24
13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	24
14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.	24
15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.	24
V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	24
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	24
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.....	24
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn :	24
4. Các khoản phải thu khách hàng :	25
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác :	25
6. Các khoản trả trước cho người bán:	25
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:	25
8. Hàng tồn kho	25
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25
10. Tài sản ngắn hạn khác :	25
11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :	27
12. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính.....	28
13. Tăng giảm tài sản cố định vô hình.....	28
14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:.....	28
15. Tăng giảm bất động sản đầu tư.....	28
16. Đầu tư dài hạn khác:	28
17. Chi phí trả trước dài hạn:.....	28
18. Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn :	28
19. Chi phí phải trả người bán:.....	28
20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	29
21. Phải trả dài hạn nội bộ.....	29
22. Vay và nợ dài hạn.....	29
23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29
24. Vốn chủ sở hữu.....	29
25. Nguồn kinh phí:	32
26. Tài sản thuê ngoài:.....	32
VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:	32
VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	33
VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC.....	33